TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 439/2020/HNGĐ-ST;
Ngày: 20/8/2020;
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Giang;**

2/ Bà **Dương Hiền Huệ;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2020/QĐXX-ST ngày 28/7/2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Nguyễn Văn A** – sinh năm: 1972;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:* **Võ Thị B - sinh năm: 1972***;***

Địa chỉ: ấp Q, xã K, huyện P, Tiền Giang.

(Anh A có mặt, chị B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn A trình bày:

Anh và chị Võ Thị B sống chung vào năm 1994, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã K vào ngày 04/3/1995. Cuộc sống chung của vợ chồng chị rất hạnh phúc nhưng đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi. Anh chị đã ly thân từ năm 1999. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị B.

Về con chung: Có một con chung, tên Nguyễn Võ Tú C- sinh ngày 25/10/1995. Cháu C đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Võ Thị B vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Anh Nguyễn Văn A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị B, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn" theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền gải quyết: Bị đơn đăng ký thường trú và sinh sống tại ấp Q, xã K, huyện P, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị Võ Thị B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B.

[4] Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A, Tòa xét thấy: Tại phiên tòa anh A trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ và thường xuyên cự cãi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ năm 1999 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập chị B nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng chị B vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A, qua đó cho thấy chị B không có thành ý cứu vãn mối quan hệ hôn nhân với anh A. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của anh A, cho anh A được ly hôn với chị B.

[5] Về con chung: Chị C đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết về con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh A khai không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí: Anh A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn A.

Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn A được ly hôn với chị Võ Thị B.

2. Án phí: Anh Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003822 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, như vậy anh A đã thi hành xong.

3. Anh Nguyễn Văn A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với chị Võ Thị B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.